

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1711/2010/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 22 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh
hàng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: số 03/NQ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2010 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010; số 18/NQ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2010 về những giải pháp bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô;

Căn cứ các Quyết định: số 279/2005/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia giai đoạn 2006-2010, số 80/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia giai đoạn 2006-2010 ban hành kèm theo Quyết định 279/2005/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2005; số 137/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Thông tư số 51/2008/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 51/TTr-SCT ngày 08 tháng 7 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Giao giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính hướng dẫn và triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Lộc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Phú Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1711/2010/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về chính sách hỗ trợ đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất khẩu trực tiếp (sau đây gọi chung là đơn vị xuất khẩu) các mặt hàng thuộc Danh mục các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu của tỉnh (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các loại hình doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, các cá nhân, hộ gia đình được thành lập và đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 3. Hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu

a) Điều kiện hỗ trợ: Đơn vị xuất khẩu vay vốn trung dài hạn tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh (*giải ngân từ ngày chính sách này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015*) để đầu tư sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu (đầu tư mới hoặc đầu tư mở rộng), chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, sau khi dự án đi vào hoạt động và có sản phẩm xuất khẩu trực tiếp theo đúng tiến độ dự án được phê duyệt.

b) Mức tiền vay được hỗ trợ: 15% tổng vốn đầu tư/dự án nhưng tối đa không quá 1 tỷ đồng (đối với các mặt hàng: nông sản, thủy sản, may mặc, da giày, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ); 20% tổng vốn đầu tư/dự án nhưng tối đa không quá 2 tỷ đồng (đối với các mặt hàng chế biến khoáng sản và hàng công nghiệp khác (theo danh mục)).

c) Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất: tính từ khi công trình đưa vào sử dụng nhưng tối đa là 36 tháng cho mỗi dự án.

d) Mức lãi suất được hỗ trợ là 30% mức lãi suất tại thời điểm giải ngân/năm trên mức tiền vay và thời gian cho vay thực tế theo quy định tại điểm b và c nêu trên.

Điều 4. Hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại

1. Đối với các đơn vị xuất khẩu vào thị trường mới:

Đơn vị xuất khẩu thực hiện xuất khẩu trực tiếp vào một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà chưa có doanh nghiệp nào trong tỉnh xuất khẩu thì được hỗ trợ một lần kinh phí xúc tiến thương mại như sau:

- Đạt kim ngạch xuất khẩu từ 500.000 USD/năm đến dưới 1.000.000 USD/năm được hỗ trợ kinh phí tham gia 01 hội chợ triển lãm (hay khảo sát thị trường) được tổ chức ở nước ngoài, cụ thể: 100% chi phí thuê gian hàng và 50% chi phí vé máy bay khứ hồi cho tối đa 03 người tham dự, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.

- Đạt kim ngạch xuất khẩu từ 1.000.000 USD/năm đến dưới 2.000.000 USD/năm được hỗ trợ kinh phí tham gia tối đa 02 hội chợ triển lãm (hay khảo sát thị trường) được tổ chức ở nước ngoài, cụ thể: 100% chi phí thuê gian hàng, 50% chi phí vé máy bay khứ hồi cho tối đa 03 người tham dự, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng. Kim ngạch xuất khẩu cứ tăng thêm 100.000 USD tính từ kim ngạch xuất khẩu đạt 2.000.000 USD được hỗ trợ thêm 10% chi phí (thuê gian hàng và vé máy bay) 01 hội chợ đã tham gia, nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng.

2. Đối với các đơn vị xuất khẩu mặt hàng mới:

Đơn vị xuất khẩu thực hiện xuất khẩu trực tiếp mặt hàng mới (chưa có doanh nghiệp nào trong tỉnh sản xuất và xuất khẩu) được hỗ trợ một lần kinh phí xúc tiến thương mại như tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp đơn vị xuất khẩu vừa xuất khẩu vào thị trường mới vừa xuất khẩu mặt hàng mới thì chỉ hưởng một chính sách hỗ trợ.

3. Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ, tham gia các đoàn xúc tiến thương mại - đầu tư, khảo sát tìm kiếm thị trường xuất khẩu theo chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh:

- Hỗ trợ 50% kinh phí thuê gian hàng cho các đơn vị xuất khẩu khi tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước; hỗ trợ 50% kinh phí thuê gian hàng và 100% tiền vé máy bay khứ hồi cho 01 người/01 đơn vị xuất khẩu/lần tham gia hội chợ ở nước ngoài theo chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

- Hỗ trợ 50% tiền vé máy bay khứ hồi cho doanh nhân là thành viên tham gia các đoàn công tác xúc tiến thương mại, khảo sát tìm kiếm thị trường xuất khẩu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

4. Hỗ trợ hoạt động tuyên truyền, quảng cáo:

Các đơn vị xuất khẩu sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu được hỗ trợ miễn phí hoạt động tuyên truyền, quảng cáo, cụ thể:

- Được đặt logo quảng cáo miễn phí, không hạn chế số lần và thời gian trên trang tin, Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Trang tin điện tử của doanh nghiệp được liên kết miễn phí trên các trang thông tin điện tử của tỉnh, của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

1. Điều kiện được hỗ trợ:

Các đơn vị xuất khẩu đã có sản phẩm hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu có nhu cầu nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, nâng cao tay nghề cho công nhân.

2. Mức hỗ trợ:

Được hỗ trợ một lần với mức 1.000.000 đồng/người/năm và tối đa không quá 100 lượt người/doanh nghiệp/năm khi kết thúc khóa học cấp chứng chỉ.

Điều 6. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí: Bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh hàng năm. Tổng kinh phí hỗ trợ hàng năm từ 0,05% đến 0,1% tính trên giá trị xuất khẩu thực hiện năm trước.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc triển khai thực hiện Quy định**

1. Sở Công Thương:

- Căn cứ vào chiến lược phát triển xuất khẩu hàng hóa của tỉnh đã được phê duyệt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án, chương trình phát triển xuất khẩu cụ thể của tỉnh, và có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn triển khai đến các tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện. Theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu theo Quy định này, về kim ngạch và thị trường xuất khẩu.

- Hằng năm xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ xuất khẩu gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính để xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính tổ chức việc xét hỗ trợ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số tiền hỗ trợ cho đơn vị xuất khẩu đạt tiêu chuẩn theo Quy định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Làm đầu mối tiếp nhận thông tin phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư; tổng hợp, phối hợp với các ngành liên quan và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tìm giải pháp tháo gỡ cho doanh nghiệp, nhà đầu tư nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở dự toán kinh phí hỗ trợ xuất khẩu của Sở Công Thương, lập kế hoạch đề xuất trích ngân sách theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

3. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc cân đối nguồn ngân sách hàng năm cho việc hỗ trợ theo quy định của chính sách này trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

- Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Phú Yên hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách quy định tại Điều 3 của Quy định này.

Điều 8. Triển khai thực hiện

Sau khi Quy định này có hiệu lực, các sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện và phổ biến đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu của tỉnh cho phù hợp với thực tế; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc để kịp thời nghiên cứu, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Lộc

PHỤ LỤC
Danh mục các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu
trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Kèm theo Quyết định số 1711/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

STT	TÊN HÀNG
1	Hàng nông sản
	- Hạt điều nhân
	- Rau, củ, quả chế biến
	- Thực phẩm chế biến
2	Thủy sản
	- Thủy sản đông lạnh
	- Thủy sản khô
	- Thủy sản chế biến, đóng hộp
3	Hàng may mặc, da giày các loại
4	Hàng thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ
	- Hàng thủ công mỹ nghệ từ mây, tre, lá, dừa, cói, vỏ ốc, vỏ sò
	- Sản phẩm từ gỗ, đồ trang trí nội ngoại thất
5	Chế biến khoáng sản: đá ốp lát, các sản phẩm từ diatomite
6	Hàng công nghiệp khác
	- Bia, rượu, nước giải khát
	- Đường
	- Dược phẩm
	- Thiết bị điện tử, viễn thông